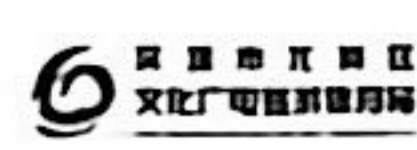


28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
21.07.26

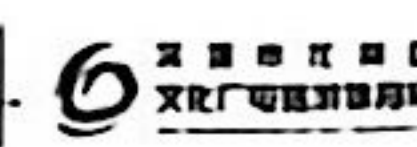
Group G14

Round 6

Board 1

WHITE Mysha Perwez				FED IND				RESULT (W) 0			
BLACK Maitreyi Mondal				FED IND				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4 g0	Nf6 g0	21	Bxd5 44	exd5 37	41	Ke2	Qe4+			
2	g3 g1	g6 g1	22	c4 42	Nc6 31	42	Kd2	Qd4+			
3	Bg2 g1	d5 g0	23	Qa3 42	f5 31	43	Ke1	Qc3+			
4	c4 g1	c6 g1	24	cx d5 38	Nxd4 32	44	Kd1	Qd3+			
5	cx d5 01	cx d5 g1	25	Rxc8 34	Qxc8 32	45					
6	Qb3 g2	Nc6 g0	26	Qb4 25	Re4 28	46					
7	Nf3 g2	Bg7 g0	27	Kg2 24	f4 19	47					
8	Nc3 g2	O-O g0	28	Bxf4 22	Rxf4 19	48					
9	Bf4 g1	Na5 f4	29	gxf4 20	Qg4+ 20	49					
10	Qb4 g0	Ne4 f0	30	Kh1 18	Qf3+ 20	50					
11	Ne5 f9	Nxc3 68	31	Kg1 19	Ne2+ 20	51					
12	bxc3 78	Be6 62	32	Kf1 19	Nxf4 21	52					
13	O-O f1	Rc8 60	33	Qxf4	Qxf4	53					
14	Rfd1 68	b6 58	34	d6	Bxb2	54					
15	e4 64	Re8 54	35	d7	Bf6	55					
16	Rac1 59	f6 49	36	d8=Q	Bxd8	56					
17	Nd3 56	dxe4 49	37	Rxd8+	Kg7	57					
18	Bxe4 56	Bxa2 49	38	Rd7+	Kh6	58					
19	Nb2 50	e6 41	39	Rxa7	Qxh2	59					
20	Bd6 44	Bd5 36	40	Ra6	Qh1+	60					
SIGNATURE (WHITE) Mysha				SIGNATURE (BLACK) Mmondal				SIGNATURE (ARBITER) An			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
20/7/26

Group U14 Girls

Round 6

Board 1

WHITE Mysha Perwez				FED IND				RESULT (W) 0			
BLACK Maitreyi Mondal				FED IND				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bxd5	exd5	41	Ke2	Qe4+			
2	g3	g6	22	c4	Nc6	42	Kd2	Qd4+			
3	Bg2	d5	23	Qa3	f5	43	Ke1	Qc3+			
4	c4	c6	24	cx d5	Nxd4	44	Kd1	Qd3+			
5	cx d5	cx d5	25	Rxc8	Qxc8	45					
6	Qb3	Nc6	26	Qb4	Re4	46					
7	Nf3	Bg7	27	Kg2	f4	47					
8	Nc3	O-O	28	Bxf4	Rxf4	48					
9	Bf4	Na5	29	gxf4	Qg4+	49					
10	Qb4	Ne4	30	Kh1	Qf3+	50					
11	Ne5	Nxc3	31	Kg1	Ne2+	51					
12	bxc3	Be6	32	Kf1	Nxf4	52					
13	O-O	Rc8	33	Qxf4	Qxf4	53					
14	Rfd1	b6	34	d6	Bxb2	54					
15	e4	Rfe8	35	d7	Bf6	55					
16	Rac1	f6	36	d8=Q	Bxd8	56					
17	Nd3	dxe4	37	Rxd8+	Kg7	57					
18	Bxe4	Bxa2	38	Rd7+	Kh6	58					
19	Nb2	e6	39	Rxa7	Qxh2	59					
20	Bd6	Bd5	40	Ra6	Qh1+	60					
SIGNATURE (WHITE) Mysha				SIGNATURE (BLACK) Mmondal				SIGNATURE (ARBITER) An			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

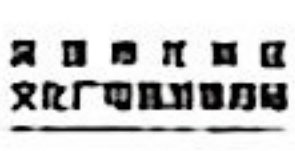


Date
21.04.26.

Group
G14
Round
6
Board
2

WHITE Tong Thai Hoang An			FED VIE			RESULT (W) 1/2		
BLACK Baer Sofiya			FED RUS			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	e6	21	Kc5	Nd5	41		
2	c4	Kf6	22	Af4	Kc4	42		
3	Kc3	d5	23	b3	Ke3	43		
4	cd	ed	24	f6	Af6	44		
5	Cg5	Cb6	25	Af6	Sf	45		
6	e3	Ce7	26	Ne2	Kc2	46		
7	Cd3	O-O	27	1e8	Kpf7	47		
8	Ke2	Kbd7	28	1b8	Ad7	48		
9	O-O	h6	29	Kf5	Kg6	49		
10	Ch4	Ke4	30	Kh5	Kf7	50		
11	Ce7	Qe7	31	Kf5	Kg6	51		
12	Ce4	de	32	Kh5	Kf7	52		
13	Kg3	f5	33	Kf5		53		
14	f3	ef	34			54		
15	Qf3	Kb6	35			55		
16	e4	Qh4	36			56		
17	Kce2	Ce6	37			57		
18	ef	Cd5	38			58		
19	Qf4	Qf4	39			59		
20	Kf4	1a6	40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

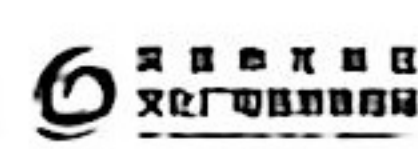


Date

Group
G14
Round
6
Board
2

WHITE Tong Thai Hoang An			FED VIE			RESULT (W) 1/2		
BLACK Gaer , Sofiya Ig			FED RUS			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4 1:30	e6 1:30	21	Nd5 26	Rd5	41		
2	c4 -	Nf6 -	22	Rh4 -	Nc1 20	42		
3	Nc3 -	d5 -	23	b3	Ne3	43		
4	cd -	ed -	24	J6 22	RJ6	44		
5	Bg5 -	Cb6 -	25	RJ6	gd	45		
6	e3 -	Be7 -	26	Re1	Kc2	46		
7	Bd3 1:29	O-O -	27	Re8	Kf7	47		
8	Nge2 -	Nbd7 1:26	28	Rb8	Rd2	48		
9	O-O -	h6 1:25	29	Nf5	Kg1	49		
10	Bh4 -	Ne4 1:21	30	Nh4	KJ2	50		
11	Be7 1:24	Qe7 -	31	Nf5	Kg6	51		
12	Be4 1:23	de -	32	Nh4	KJ7	52		
13	Ng3 1:22	J5 1:17	33			53		
14	f3 1:16	ef 1:4	34			54		
15	Qf3 -	Nb6 1:1	35			55		
16	e4 52	Qh4 45	36			56		
17	Ne2 41	Be6 36	37			57		
18	ef 37	Bd5 27	38			58		
19	Qf4 35	Qf4 24	39			59		
20	Nf4 31	Rad8 21	40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

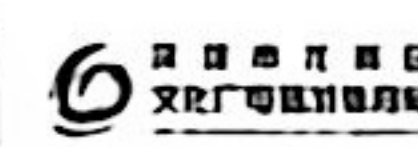


Date 21/7

Group A14
Round 6
Board 3

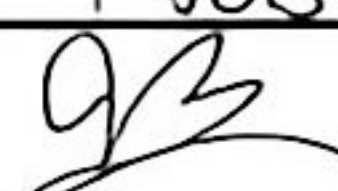
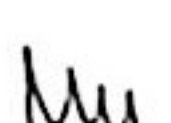
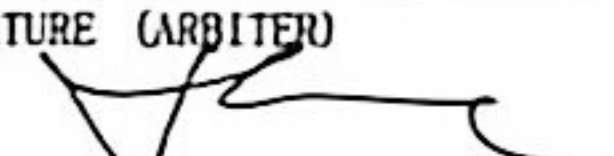
WHITE Tran Le Vy			FED VIE			RESULT (W) 1/2		
BLACK Nguyen Hong Ha My			FED VIE			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6 (1:30)	21	Xd3	Xh7	41	Xf3	Xe7 (1)
2	d4	ed5	22	Hg2	Xh7 (30)	42	Vgb3	He8
3	ed	ed	23	Mg3	MdP (25)	43	Xf7	He7
4	Td3	Nc6	24	Mah5	Me6 (17)	44	Hh6	
5	c3	Td6	25	Mh5	Mf5 (13)	45		
6	Hh3	Mge7 (1:20)	26	Xf5	Xh5 (14)	46		
7	Me2	Teb	27	gh	Mh7	47		
8	Ff4	Hd7 (1:20)	28	Hh3	Md3	48		
9	h3	h5 (1:23)	29	Hd3	C6 (12)	49		
10	Md2	O-O-O (1:21)	30	Hf3	He7 (8)	50		
11	O-O-O	R4 (1:20)	31	Vd2	a5 (6)	51		
12	Mf1	Vb8 (1:07)	32	h5	Hf7	52		
13	Me3	f6 (1:06)	33	R4	gh (5)	53		
14	Td6	Hd6	34	Hf4	Vd7	54		
15	Mh4	Ff7 (1:05)	35	Hh7	Hg6 (4)	55		
16	g4	Rg (1:04)	36	Hf4	Hg2 (3)	56		
17	fg	g5 (56)	37	Vc1	Xe8 (2)	57		
18	Me2	Th5 (48)	38	Hf2	Hh1	58		
19	g4	Tg6 (47)	39	Vh2	Hh6	59		
20	Xh1	Td3 (34)	40	Xf6	Hh5	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



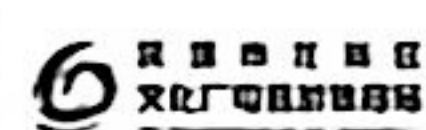
Date 22/07

Group G14
Round 06
Board 03

WHITE Tran Le Vy				FED VIE		RESULT (W) 1/2		
BLACK Nguyen Hong Ha My				FED VIE		RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 ²⁹	e6 ⁹⁰	21	xd3 ⁻	Xg8	41	xg3	xe4
2	d4 ⁻	ds ⁻	22	xh7 ^{Hg2} 36	Mg ^{xh7} 30	42	Vb3	Re8
3	ed ⁻	ad ⁻	23	Ng3 ²⁴	Md8 ²⁵	43	xg8	Re7
4	Td3 ⁹⁰	Me6 ⁻	24	Mh5 ⁸	Me6 ¹²	44	1g6	Hg6
5	c3 ⁻	Td6	25	Mg5 ⁷	Mg5	45		
6	Hg3 ²⁹	Me7	26	xg5 ⁸	xh5 ⁴⁴	46		
7	Me2 ²⁸	Re6 ²⁹	27	gh ⁻	Mg4 ⁻	47		
8	g4 ²⁴	Hd7 ⁸⁸	28	Hg3 ⁻	Md3 ⁻	48		
9	h3	h5 ⁸³	29	Hd3	c6	49		
10	Md2 ⁶⁷	OoO ^{P4}	30	Hg3	Hd2	50		
11	ooo ⁶⁵	h4 ⁸⁰	31	ve2	a5	51		
12	Mg1 ⁵⁹	Vb8	32	h6 ⁵	1g5 ⁻	52		
13	xh8 ³² Me3	g6	33	h4 ⁴	gh	53		
14	Td6 ⁵⁰	Hd6 ⁶⁶	34	1g4	Vd7	54		
15	Mg4 ⁻	Tg7 ⁶⁵	35	Hh4 ⁻	rtg6	55		
16	g4 ⁴⁴	hg ⁶⁴	36	Hg4	Hg2	56		
17	gg ⁻	g5 ⁵⁶	37	Vc1	xe8	57		
18	me2 ³⁸	Me2 ^{Hh5} 48	38	Hg2	1h1	58		
19	g4 ³²	Tg6 ⁴⁷	39	ve2	Hh6	59		
20	g1 ¹¹	vd3 ³⁴	40	xg6	1th5	60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		
								

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
21/07/26

Group
G14

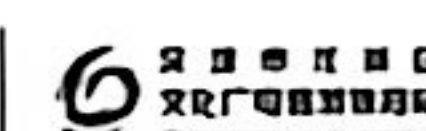
Round
06

Board
04

WHITE			Sethumlee Polliyage			FED		SRI		RESULT (W)		1	
BLACK			Nguyen, Minh chi			FED		VIE		RESULT (B)		0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4 (90)	c5 (90)	21	Qe3	Rac8	41							
2	Nf3 (90)	d6 (90)	22	Ne4	Rxc1	42							
3	d4 (90)	Cxd4 (90)	23	Rxc1	Rc8	43							
4	Qxd4 (91)	Nc6 (90)	24	Rxc8	Bxc8	44							
5	Qe3 (91)	Nf6 (88)	25	Qg5	f6	45							
6	Be2 (91)	e6 (82)	26	Ch5	g6	46							
7	O-O (88)	Be7 (81)	27	Ph4	Qd8	47							
8	c4 (86)	O-O (79)	28	exf6	Nxd6	48							
9	Rd1 (86)	Qc7 (78)	29	Nfg5	h5	49							
10	Nc3 (86)	06 (69)	30	Nxd6	Qxd6	50							
11	h3 (85)	Rd6 (68)	31	Qe4		51							
12	b3 (84)	Nb4 (62)	32			52							
13	Rb1 (83)	d5 (53)	33			53							
14	e3 (69)	Ne8 (44)	34			54							
15	03 (30)	Nc2 (38)	35			55							
16	Qd2 (21)	Nxa9 (33)	36			56							
17	Bx03	Bx03	37			57							
18	Cxd5	0b4	38			58							
19	Rac1	Qa5	39			59							
20	d6	Bd7	40			60							
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							
													

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

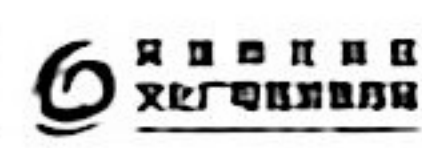
Group
G14

Round
6

Board
4

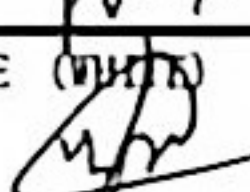
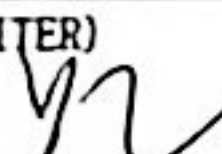
WHITE Palliyage Sedhanee Devhara				FED SRI		RESULT (W) 1		
BLACK Nguyen Minh Chi				FED VIE		RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	He3	Xac8	41		
2	Mf3	d6	22	Mc4	Xc1	42		
3	d4	cd	23	Xc1	Xc8	43		
4	Hd4	Mc6	24	Xc8	Ted	44		
5	He3	Mf6	25	Hg5	f6	45		
6	Te2	e6	26	Hh5	06	46		
7	o-o	Te7	27	Hh4	Hd8	47		
8	c4	o-o	28	e7	Nd6	48		
9	Xd1	Hc7	29	Mf5	h5	49		
10	Ma3	a6	30	Nd6	Hd6	50		
11	h3	Xd8	31	He4		51		
12	b3	Nb4	32			52		
13	Xb1	d5	33			53		
14	e5	Ne8	34			54		
15	a3	Nc2	35			55		
16	Hd2	Ma8	36			56		
17	Ta3	Ta8	37			57		
18	cd	Tb4	38			58		
19	Xc1	Ha5	39			59		
20	d6	Td7	40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
								

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
21.07.26

Group
104
Round
06
Board
05

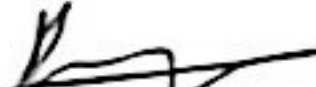
WHITE			XU Luna Yuexin			FED		NZL		RESULT (W)		1	
BLACK			R.V. Parithra			FED		IND		RESULT (B)		0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	c5	21	Nd4.	Bd4.	41							
2	Nf3	Nc6	22	Nc6.	Nf5	42							
3	Bb5	g6.	23	Nf5	Qc6.	43							
4	O-O	Bg7.	24	Nb7	Qb7	44							
5	c3	e5	25	Qb3	Qd7	45							
6	d4	ed4	26	Rd1.	Qe7.	46							
7	cd4	cd4	27	Rd4	Nf4	47							
8	Bt4	ab.	28	Qar	Nf5	48							
9	Qay.	Nge7	29	ker	Qf6	49							
10	Bd6	O-O.	30	Qc3	Qg5	50							
11	Nbd2.	b6.	31	b4.	h5.	51							
12	Qa3	Res	32	Rd1.	Qe7.	52							
13	Bc4	Rh6.	33	bs.	Nf4.	53							
14	Bf7.	keh7.	34	b6	Qe6	54							
15	Bes	Qes	35	Qos.	Kh6.	55							
16	ber.	Ner.	36	Qh4		56							
17	Na.	ds.	37			57							
18	Nb4	fe	38			58							
19	Ng	Bb7.	39			59							
20	Nc7.	Qd7.	40			60							
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							
													

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



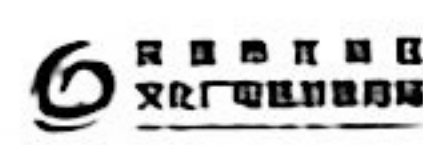
Date
21.07.2026

Group
G14
Round
6
Board
5

WHITE			FED			RESULT (W)		
XU LUNA YUEXIN			NZL			1		
BLACK			FED			RESULT (B)		
PARITHRA R V			IND			0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nxd4	Bxd4	41		
2	Nf3	Nc6	22	Nxd6	Nf5	42		
3	Bb5	g6	23	Nc5	Qc6	43		
4	O-O	Bg7	24	Nxb7	Bxb7	44		
5	c3	e5	25	Qb3	Qd7	45		
6	d4	exd4	26	Rad1	Qe7	46		
7	Cxd4	Cxd4	27	Rxd4	Nxd4	47		
8	Bf4	a6	28	Qc4	Nf5	48		
9	Qa4	Nge7	29	Rc1	Qf6	49		
10	Bd6	O-O	30	Qc3	Qg5	50		
11	Nbd2	b6	31	b4	h5	51		
12	Qa3	Res	32	Rd1	Qe7	52		
13	Bc4	Bb6 h6	33	bs	Nf4	53		
14	Bxf7	Kh7	34	b6	Qe6	54		
15	Bxe8	Qxe8	35	Qc7	Kh6	55		
16	Bxe7	Nxe7	36	Qf4		56		
17	Nc4	ds	37			57		
18	Nxb6	dxe4	38			58		
19	Nxa8	Bb7	39			59		
20	Nc7	Qd7	40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
								

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Date
2026.7.21Group
G14Round
6Board
7

WHITE Zavivaeva, Kristina.				FED RUS				RESULT (W) 1/2			
BLACK Wu, Shuang				FED CHN				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	d5	21	Qb4	O-O	41	G48	Gd5			
2	g3	B94	22	d6	Qc4	42	a3	Gc5			
3	B92	e6	23	Qd2	Qd5	43	G43	Kc7			
4	cd4	c6	24	R/d1	Rc4	44	G63	e4			
5	cd	Bf3	25	Rb2	Kf6	45	G67	Kf6			
6	Bf3	cd	26	Rb1	h4	46	G64	Qn3			
7	Nc3	Nc6	27	Rb5	Rc1	47	Gd4	Ke7			
8	d3	Nf6	28	Rc1	Rc1	48	Qe3	Kd7			
9	O-O	Be7	29	Gc1	Gb5	49	Qd5	Ke8			
10	b3	h5	30	Gc8	Kd7	50	Gc5	Kd5			
11	Bf4	d4	31	Gc2	g6	51	G46	Gc7			
12	Nc4	Nd5	32	Gc4	h5	52	G66	Gc7			
13	Bd2	b5	33	h9	Gc5	53	G65	Kc8			
14	Nb2	Ba3	34	Lf1	a5	54	e4	Kd8			
15	Rb1	Rc8	35	G67	L97	55	K92	Ke7			
16	b4	Bb4	36	G63	Gc1	56	G613	Gc5			
17	Bd5	Qd5	37	L93	Gc5	57	Kc2	Gc2			
18	Bb4	Nb4	38	Kf1	Gc6	58	Kc3	Gc1			
19	Nc4	Gc5	39	L91	Lf6	59	Kf3	Gc3			
20	Qd2	b6	40	G63	e5	60	K92	Gb4			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Date
21.07Group
B19Round
7Board
7

WHITE Zavivaeva, Kristina				FED RUS				RESULT (W) 1/2			
BLACK Wu, Shuang (H)				FED CHN				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kf3	d5	21	Qb4	O-O	41	Qb8	Qd5			
2	g3	Cg4	22	d6	Qc5	42	A3	Qc5			
3	Cg2	e6	23	Qd2	Qd5	43	Qd2	Kc7			
4	c4	c6	24	Nf1	1c4	44	Qb8	e4			
5	Cd6	Cf3	25	1B2	1Fc2	45	Qb2	Kf6			
6	Cf3	Cd6	26	1d81	Kc4	46	Qe3	Qd3			
7	Kc3	Kc6	27	1B5	1c1	47	Qd4	Kc7			
8	d3	Kf6	28	1c1	1c1	48	Qb5	Kb2			
9	O-O	Ce7	29	Qc1	Qb5	49	Qb5	Kb2			
10	B3	h5	30	Qb8	Kf2	50	Qe5	Kf2			
11	Cf4	d4	31	Qb2	g6	51	Qf6	Qd2			
12	Kb4	Kd5	32	Qe3	Kg	52	Qb8	Qd2			
13	Cd2	B5	33	Kg	Qb5	53	Qb5	Kf2			
14	Kb2	Ca3	34	Kf1	A5	54	e4	Kf2			
15	1B1	1c8	35	Qb2	Kf2	55	Kf2	Kf2			
16	B4	Cc4	36	Qb3	Qc1	56	Kf2	Qd3			
17	Cd5	Qd5	37	Kb2	Qb5	57	Kf1	Qc2			
18	Cb4	Kb4	38	Kf1	Qc6	58	Kf2	Qc1			
19	Kc4	Qc5	39	Kf1	Kf6	59	Kf3	Qc3			
20	Qd2	Qb	40	Qb2	e5	60	Kf2	Qb4			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

20/7/2026

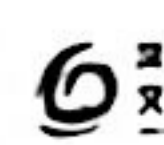
Group G14

Round 6

Board 8

WHITE Dilnoza murullaeva				FED UZB				RESULT (W) 1			
BLACK Diana Najafi				FED IRI				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 30	e5 30	21	Kh2 1:00	B9 5 5	41	Kh2 15	Kh8 30			
2	Nf3 29	Nc6 30	22	Rg1 58	Bf4 5	42	Rg1 14	Qf6 29			
3	Bb5 30	a6 31	23	Bxf4 58	Nxf4 6	43	Kg2 10	Qg6 28			
4	Ba4 30	Nf6 31	24	Rg3 58	Qb6 4	44	Kf1 10	Qe6 27			
5	O-O 31	b5 31	25	Bc6 55	Rb8 4	45	Kg2 10	Qg6 28			
6	Bb3 31	Be7 31	26	a3 56	a5 1:00	46	Kh2 11	Qf6 28			
7	Re1 30	O-O 30	27	b5 55	a4 59	47	Rg3 11	C4 25			
8	C3 30	d6 30	28	Ra2 54	Qc5 50	48	Ra2 10	Rfd8 29			
9	d4 24	Bg4 29	29	Qa4 53	Nd3 45	49	Qd5 11	C3 24			
10	Be3 24	Rc8 26	30	Rc2 49	C3 46	50	Qc4 11	C2 22			
11	Nbd2 15	Na5 24	31	Re2 35	Qd4 42	51	Qd2 12	Qe6 22			
12	Bc2 16	C5 21	32	Qc2 35	Nc5 38	52	Qc5 11	F6 21			
13	d5 10	h6 20	33	Re3 33	Na4 34	53	Qd5 11	Qe7 21			
14	b4 9	Cxb4 17	34	Rg1 34	Rf6 32	54	a4 11	Rf8 20			
15	Cxb4 10	Nc4 11	35	Rb1 33	Qa7 30	55	a5 11	Qa3 20			
16	Nxc4 7	bxc4 11	36	Rb4 33	Nc5 31	56	a6 12	b5 18			
17	h3 5	Bh5 11	37	Rxc3 33	Qe7 30	57	h4	Qa5			
18	Ba4 5	Rf8 11	38	Qd2 31	Qh4 30	58	Qe6	Qb6			
19	Qc2 1:00	Bxf3 8	39	Rb1 29	Rf8 30	59	Kg2	Qc5			
20	gxf3 1	Nh5 5	40	Rxc5 15	dxc5 30	60	Qf5	Rxb5			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

21.07.2026

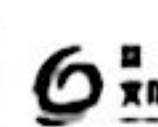
Group G14

Round 6

Board 8

WHITE Nutullaeva Dilnoza				FED UZB				RESULT (W) 1			
BLACK Najafi, Diana				FED IRI				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	c5	21	Nph2	Cg5	41	d6	Kph8			
2	Kf3	Kc6	22	Jg1	Cf4	42	Jg1	Jf6			
3	Cb5	a6	23	Cf4	Kf4	43	Kp82	Jg6			
4	ca4	Kf6	24	Jg3	Jf6	44	Kp51	Jf6			
5	O-O	b5	25	Cc6	Ab8	45	Kp82	Jg6			
6	Cb3	Cc7	26	a3	a5	46	Kph2	Jf6			
7	ue1	O-O	27	b5	a4	47	Jg3	C4			
8	C3	d6	28	ua2	Jc5	48	d7	Np6			
9	d4	Cg4	29	Jq4	Kd3	49	Jf5	C3			
10	Cc3	ue8	30	Jc2	C3	50	Jc4	C2			
11	Kcda	Ka5	31	ue2	Jed4	51	Jc2	Jf6			
12	Cc2	O5	32	Jc2	Kc5	52	Jc5	f6			
13	d5	h6	33	ue3	Kc1	53	Jd5	Jd5			
14	b4	Cb	34	Jg1	ue8	54	a4	Ab8			
15	Cb	Kc4	35	Ab1	Jq2	55	a5	Jq3			
16	Kc4	bc	36	Ab4	Kc5	56	a6	h5			
17	h3	cho	37	ue3	Jd2	57	h4	Jd5			
18	Cc4	Ab8	38	Jd2	Jd4	58	Jd6	Jf6			
19	Jc2	Cf3	39	Ab1	Ab8	59	Kp82	Jc5			
20	Jf	Kh5	40	ue5	dC	60	Jf5	Ab5			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

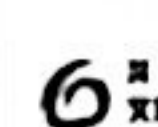


Date 21.07.

Group G14
Round 6
Board 9

WHITE Kalugina, Maria				FED RUS				RESULT (W) 1			
BLACK Klesheva, Maria				FED RUS				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Nf6	21	Bxg5	Qxg5	41	Kf3	Rb7			
2	c4	e6	22	Rae1	Bg6	42	Rc2	Kb3			
3	g3	b6	23	Bb3	h6	43	Ke4	c3			
4	Bg2	Bb7	24	Re7	Ad6	44	Kd3	Kt6			
5	O-O	Be7	25	Qg4	Qc6	45	Rxc3	Rxc3			
6	Nc3	O-O	26	Rie3	Bxa4	46	Kxc3	Kt5			
7	Re1	d5	27	Rxf7	Rxf7	47	f3	Re5			
8	cxd5	exd5	28	Qxc8	Rf8	48	Kd3	g6			
9	d4	Nex4	29	Qg4	Ba1+	49	Ke3	Kxb5			
10	Nd2	Nxc3	30	Kg2	Qb2	50	Kf4	Kd4			
11	bxc3	Nd7	31	Qe2	Rxe2	51	h4	Kpds			
12	e4	dxe4	32	Rxe2	c6	52	g4	Kd4			
13	Nxe4	Rb8	33	Rb2	Bd8	53	Kg3	Re3			
14	Bt4	Nf6	34	c4	a4	54	f4	Ke4			
15	Nxh6+	Bxf6	35	Ra2	b5	55	h5	gh			
16	Bxb7	Rxb7	36	q5	Ra8	56	gh	Kt5			
17	Qf3	Rb8	37	Qxc6	bxc4	57	Kt3	Kec6			
18	Qc6	Rc8	38	c2	Rc8	58	Kc4	Kt6			
19	a4	a5	39	Ra4	Rxc7	59	t5	Kt7			
20	Re2	Bg5	40	Ra2	Kt7	60	Kes	Ke7			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 21.07.2026

Group G14
Round 6
Board 9

WHITE Kalugina, Maria				FED RUS				RESULT (W) 1			
BLACK Klesheva, Maria				FED RUS				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kf3	Kt6	21	c95	q35	41	Kf3	Ab7			
2	c4	e6	22	ua-c1	q36	42	uc7	Ab3			
3	g3	b6	23	qf3	h6	43	Kp24	c3			
4	ctg2	cb7	24	ue7	rd6	44	Kpds	Kpfe			
5	O-O	ce7	25	bg4	fc6	45	uc3	uc3			
6	kes	v-o	26	ep1-c3	ra4	46	Kp3	Kp5			
7	ue1	ds	27	uf7	uf7	47	f3	Kpfe			
8	c-d	e-d	28	qoc8	uf8	48	Kpds	g6			
9	d4	ke4	29	gg4	ra1	49	Kp3	Kp5			
10	ad2	ke3	30	Kp92	pb2	50	Kp4	Kp4			
11	b-c	Kd2	31	pe2	re2	51	h4	Kpds			
12	e4	d-e	32	ue2	c6	52	g4	Kpds			
13	ke4	ub3	33	ub2	ub8	53	Kp3	Kp3			
14	cf4	Kt6	34	c4	a4	54	f4	Kp4			
15	Kt6	cf6	35	ua2	b5	55	b5	g-h			
16	cb7	Ab7	36	db	ua2	56	g-h	Kp5			
17	qf3	Ab8	37	d-c	b-c	57	Kp3	Kp6			
18	qg	uc8	38	c7	uc8	58	Kp4	Kp6			
19	a4	a5	39	ua4	uc7	59	f5	Kp4			
20	uoz	c95	40	ua2	Kpds	60	Kp5	Kp7			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

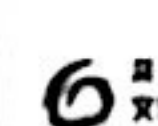


Date 21.07.

Group G14
Round 6
Board 9

WHITE Kalugina, Maria				FED RUS				RESULT (W) 1			
BLACK Klesheva, Maria				FED RUS				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	f6+	Kt7	21			41					
2	Kt5	Kt8	22			42					
3	Kg6	Kg8	23			43					
4	Kh6	Kt7	24			44					
5	Kg5	Kt8	25			45					
6	Kg6	Kg8	26			46					
7	f7+	Kt8	27			47					
8	h6		28			48					
9			29			49					
10			30			50					
11			31			51					
12			32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 21.07.2026

Group G14
Round 6
Board 9

WHITE Kalugina				FED RUS				RESULT (W) 1			
BLACK Klesheva				FED RUS				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	f6	Kpfe	21			41					
2	Kp5	Kp8	22			42					
3	Kp6	Kp8	23			43					
4	Kp6	Kp2	24			44					
5	Kp5	Kp8	25			45					
6	Kp6	Kp8	26			46					
7	f7	Kp8	27			47					
8	h6		28			48					
9			29			49					
10			30			50					
11			31			51					
12			32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
2026.07.02

Group

Round

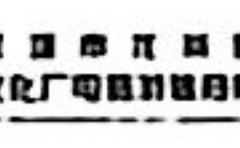
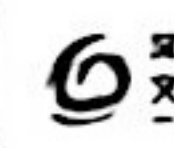
6

Board

10

WHITE Amanzhol Khanzada				FED MGL		RESULT (W) 1/2		
BLACK Enkhnamuun Batkhishigt				FED KAZ		RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Le	hpg4	41		
2	Ng3	Kc6	22	Ng3	b6	42		
3	d4	ed	23	Ng4	dle6	43		
4	hd4	Kc5	24	hpg2	Ng8	44		
5	Le3	g4	25	hpg2	c5	45		
6	c3	Kge4	26	hpg2	cd	46		
7	Le2	d5	27	cd	d1	47		
8	Ng3	hd4	28	cd d1	d1	48		
9	cd	cb4	29	hpg1	Ng6	49		
10	Kc3	de	30	hpg2	hpg8	50		
11	Le4	0-0	31	d5	Ng5	51		
12	0-0	c6	32	Ng6	ad5	52		
13	g4	b6	33	Ng6	Ng2	53		
14	Q3	Cc3	34			54		
15	bc	G5	35			55		
16	C5	K45	36			56		
17	g4	Ng8	37			57		
18	Ng1	Ng4	38			58		
19	g4	Ng8	39			59		
20	g4	g4	40			60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
2026.07.21

Group

614

Round

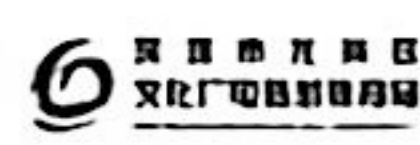
6

Board

10

WHITE Amanzhol . Khanzada.				FED KAZ		RESULT (W) 1/2		
BLACK Enkhnamuun Batkhishigt				FED MGL		RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 86.	e5 90.	21	Le 29.	kg7 12.	41		
2	Nf3 86.	Nc6 91.	22	Rf3 29.	b6 13.	42		
3	d4 86.	ed 91.	23	Rb1 25.	Re6 12.	43		
4	Nd4 86.	Bc5 92.	24	Kf2 25.	Rd8 14.	44		
5	Be3 86.	Bf6 92.	25	Ke2 21.	c5 6.	45		
6	c3 83.	Ng7 92.	26	Kd2 18.	cd 5.	46		
7	Be2 81.	d5 81.	27	cd 17.	Rc8 6.	47		
8	Bf3 67.	Nd4 68.	28	Rc1 16.	Rc1 5.	48		
9	cd 65.	Bb4 68.	29	Kc1 17.	Rc6 5.	49		
10	Nc3 64.	xde 66.	30	Kb2 16.	Kf8 4.	50		
11	Be4 63.	O-O 66.	31	d5 12.	Rc5 3.	51		
12	O-O 62.	cb 62.	32	Rf6 8.	Rd5 4.	52		
13	Qh5 52.	h6 47.	33	Rh6 9.	Rd2 4.	53		
14	a3 47.	Bc3 39.	34			54		
15	bc 48.	Bf5 39.	35			55		
16	Bf5 41.	Nf5 33.	36			56		
17	Qf3 39.	Rfe8 30.	37			57		
18	Rb1 33.	Re7 26.	38			58		
19	g4 29.	Ne3 20.	39			59		
20	Qf6 29.	gf 20.	40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
21/7/26

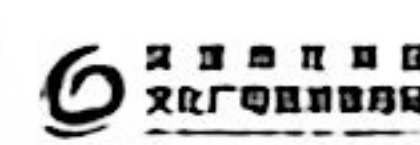
Group
G14

Round
06

Board
11

WHITE Anvita Sathi			FED IND			RESULT (W) 1		
BLACK Mamakova Aknur			FED KAZ			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Nd2	Bc6	41	Qa2	Qc4
2	d4	d5	22	Rb2	Qd7	42	Qxc4	Nxc4
3	Nc3	Bb4	23	Rba2	Re8	43	Be4	Kb2
4	e5	c5	24	a5	f6	44	b5	axb6
5	a3	Bxc3	25	exf6	e5	45	axb6	Nd6
6	bxc3	Nc6	26	dxe5	g5	46	Nxd6	Rxd6
7	Qg4	g6	27	hxg5	hxg5	47	Bg6	e6
8	a4	Qa5	28	Re1	Qg4+	48	Kb7	f7
9	Bd2	c4	29	Bf3	Qf5	49	Rc8	Rd4
10	Nf3	h6	30	Kd1	g4	50	Bh5	Rf4
11	h4	Bd7	31	Bh1	Nxb4	51	Rf4	
12	Qf4	Rh7	32	cxb4	Rxh1	52		
13	g3	o-o-o	33	Rxh1	d4	53		
14	Bg2	Kb8	34	Qxd4	Bxh1	54		
15	Ke2	Ka8	35	Nxc4	Qf3+	55		
16	Rhb1	Nb8	36	Kc1	Qd5	56		
17	Qe3	Na6	37	c3	Qc6	57		
18	Bc1	Ne7	38	Rd2	Bf3	58		
19	Ba3	Nc8	39	Qc5	Nb2	59		
20	Bb4	Qc7	40	Qa1+	Kc2	60		
SIGNATURE (WHITE) Anvita			SIGNATURE (BLACK) Mamakova			SIGNATURE (ARBITER) Vj.		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
21.07.26

Group
G14

Round
6

Board
11

WHITE Anvita Sathi			FED IND			RESULT (W) 0 1		
BLACK Momakova Aknur			FED KAZ			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Nd2	Bc6	41	Kc2	Qa2
2	d4	d5	22	Rb2	Qd7	42	Qc4	Qa4
3	Nc3	Bb4	23	Rba2	Re8	43	Nc4	Be4
4	e5	c5	24	a5	f6	44	Kb2	b5
5	a3	Bc3	25	ef	e5	45	ab	ab
6	bc	Nc6	26	de	g5	46	Nd6	Nd6
7	Qg4	g6	27	Lg	lg	47	Rd6	Bj5
8	a4	Qa5	28	Re1	Qg4	48	U6	Kb7
9	Bd2	c4	29	Bf3	Qd5	49	f7	Rc8
10	Nf3	h6	30	Ke1	g4	50	Rd4	Bh5
11	h4	Bd7	31	Bh1	Nb4	51	Rf4	
12	Qf4	Rh7	32	cb	Rh1	52		
13	g3	O-O-O	33	Rh1	d4	53		
14	Bg2	Kb8	34	Qd4	Bh1	54		
15	Ke2	Ka8	35	Nc4	Qf3	55		
16	Rhb1	Nb8	36	Kc1	Qd5	56		
17	Qe3	Na6	37	c3	Qc6	57		
18	Bc1	Ne7	38	Rd2	Bf3	58		
19	Ba6	Nc8	39	Qc5	Qa5	59		
20	Bb4	Qc7	40	Nb2	Qa1	60		
SIGNATURE (WHITE) Anvita			SIGNATURE (BLACK) Momakova			SIGNATURE (ARBITER) Vj.		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



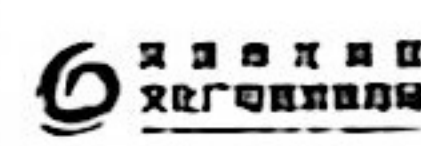
Date
2026.7.21

Group
G14
Round
6

Board
12

WHITE Xia Miaoyan				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK Bobanazarova Nurhan				FED TKM				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Re2	e5	41	ed				
2		c4	22		Ng4	42					
3	Nd2	Nf6	23	Nes	Be5	43					
4		Be5	24		Bg4	44					
5	Bd3	cd	25	Re5	Nf7	45					
6		c3	26		Re3	46					
7	Ne2	Qb6	27	Bd3	Ne4	47					
8		Nf3	28		b5	48					
9	Qd2	b6	29	f3	h5	49					
10		Nf4	30		te	50					
11	Re1	Bb7	31	e5	Qf7	51					
12		a3	32		Qg4	52					
13	h3	Qd2	33	Qg3	Be6	53					
14		b4	34		Rf1	54					
15	Bf1	Rd5g	35	Re3	Rg9g	55					
16		Nh2	36		Rf7	56					
17	Qf4	g5	37	Rf6	Ka8	57					
18		Nh5	38		Re7	58					
19	e4	Nf6	39	Rf7	Rd5	59					
20		Nf6	40		e6	60					
SIGNATURE (WHITE) Xia Miaoyan				SIGNATURE (BLACK) Bobanazarova Nurhan				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
26.07.26.1

Group
G14
Round
6

Board
12

WHITE Xia Miaoyan				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK Bobanazarova Nurhan				FED TKM				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Qd2	e5	41	ed				
2		d4	22		Ng4	42					
3	Nbd2	Nf6	23	Nes	Be5	43					
4		Be5	24		Bg4	44					
5	Bd3	cd	25	Re5	Nf7	45					
6		c3	26		Re3	46					
7	Ne2	Qb6	27	Bd3	Ne4	47					
8		Nf3	28		b5	48					
9	Qd2	b6	29	f3	h5	49					
10		Nf4	30		te	50					
11	Re1	Bb7	31	e5	Qf7	51					
12		a3	32		Qg4	52					
13	h3	Qd2	33	Qg3	Be6	53					
14		b4	34		Rf1	54					
15	Bf1	Rd5g	35	Re3	Rg9g	55					
16		Nh2	36		Rf7	56					
17	Qf4	g5	37	Rf6	Ka8	57					
18		Nh5	38		Re7	58					
19	e4	Nf6	39	Rf7	Rd5	59					
20		Nf6	40		e6	60					
SIGNATURE (WHITE) Xia Miaoyan				SIGNATURE (BLACK) Bobanazarova Nurhan				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group G14

Round 6

Board 13

WHITE Nika Juris Nicolas				FED PHJ				RESULT (W) 1/2			
BLACK Yerzhan Bibissara				FED KAZ				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	C4	E5	21	Nf3	Rd8	41	Rd2	Rc5			
2	Nc3	d6	22	Qa4	Rc9	42	Kc3	Rc2			
3	Nf3	f5	23	b5	Nd7	43	f5	b5			
4	g3	Nf6	24	d4	c9	44	Bf1	Rh2			
5	Bg2	c6	25	Nc5	(Y6)	45	Rb5	a5			
6	d3	Be7	26	Rb5	Bc8	46	Bxh6	Kxg6			
7	O-O	O-O	27	Qb3	Rf8	47	Rd4	b6			
8	c5	Nax	28	Rac1	Kh2	48	axg6	Kxg6			
9	Cxh6	Bxh6	29	F4	Rxh3	49	Ra3	g4			
10	a3	h6	30	Cxh3	Nxh5	50	Rg6	h5			
11	Nd2	Be6	31	dxes	Rxes	51	gxe5	Kf5			
12	b4	Nc7	32	Rxes	Qxh5	52	Rg6	Nxh5			
13	Nc4	Nxh5	33	g4	Bg6	53	Fh2	Rh2			
14	Bb2	Rg8	34	Qc3	At4	54	Kc3	Nf6			
15	Nax	Bf4	35	Rcd1	Rb8	55	Ra5	Rg6			
16	Nxh6	Qxh6	36	At4	Qf5	56	Rxg6	Nh5			
17	Nc5	h6	37	Rf4	Rc8	57	Kc4	Nf6			
18	Nb8	f4	38	Rc5	Qh4	58	Kd6	Rh2			
19	Nd2	Qf5	39	Bf1	Qxh2	59	Rd4	Rh2			
20	hxe3	Ng4	40	Kxh2	Rc2	60	Kc5	Rh2			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group G14

Round 6

Board 13

WHITE Nicolas Nika Juris				FED PHI				RESULT (W) 1/2			
BLACK Yerzhan Bibissara				FED KAZ				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	C4	C51:25	21	Nc4	Rab252	41	Rd2	Rc5 25			
2	Nc3	d6 1:25	22	Qa4	Rc47	42	Rd2	Rd2 25			
3	Nf3	f5 1:21	23	b5	Nd7 4	43	Kg3	Kb5 25			
4	g3	Nf6 1:23	24	d4	Q4 43	44	Bf1	Bd6 22			
5	Bg2	C6 1:22	25	Nc5	C6 41	45	Bd3	a5 24			
6	d3	Be7 1:22	26	a65	Bd8 4	46	Bg6	Kg6 24			
7	O-O	O-O 1:22	27	Qb5	Kh8 93	47	Rd3	b4 24			
8	c5	Nax 1:22	28	Rac1	Kh7 32	48	a6	Rb1 23			
9	Cd	Bd6 1:22	29	f5	ef 32	49	Kc3	a4 22			
10	a3	h6 1:20	30	ef	Nes 32	50	Rd6	h5 21			
11	Nd2	Bd6 1:15	31	de	Rd5 32	51	g4	Kf5 21			
12	b4	Nc7 1:15	32	Be5	a65 33	52	Ra6	Nh5 21			
13	Nc4	Nd5 1:14	33	g4	Bg6 30	53	Kf2	Rb2 21			
14	Bb2	Rd7 1:05	34	Qc5	a74 24	54	Kc3	Nf6 21			
15	Nax	Bf7 57	35	Rcd1	Rb8 26	55	Ra5	Kg6 20			
16	Nxh6	Qd6 58	36	At4	ag5 26	56	Rax	Nf5 20			
17	Nc5	b6 57	37	Rf4	Rc8 25	57	Kc4	Nf6 20			
18	Nb8	f5 56	38	Rc5	a5 25	58	Kd4	Rd2 20			
19	Nd2	Bf5 57	39	Qf2	Qf2 25	59	Rd3	Rh2 20			
20	h4	Nax 57	40	Kf2	Rc2 25	60	Kc5	Rh2 20			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group G14

Round 6

Board 13

WHITE Nika Juris Nicolas				FED PHJ				RESULT (W) 1/2			
BLACK Yerzhan Bibissara				FED KAZ				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Rd2	Ff5	21			41					
2	Rd8	Rd1	22			42					
3	Kf2	Kc5	23			43					
4	Rd2	Rd5	24			44					
5	Rd6	Rc5	25			45					
6	Rc5		26			46					
7			27			47					
8			28			48					
9			29			49					
10			30			50					
11			31			51					
12			32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group G14

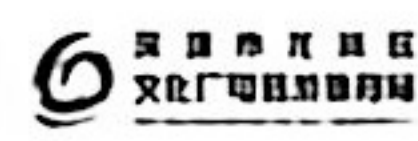
Round 6

Board 13

WHITE Nicolas Nika Juris				FED PHI				RESULT (W) 1/2			
BLACK Yerzhan Bibissara				FED KAZ				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Rd2	Kf5 20	21			41					
2	Rd4	Rd1 18	22			42					
3	Kf2	Rd5 18	23			43					
4	Rd2	Rd5 18	24			44					
5	Rd2	Rd2 17	25			45					
6	Rc5		26			46					
7			27			47					
8			28			48					
9			29			49					
10			30			50					
11			31			51					
12			32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

2026/07/21

Group

U14 Girls

Round

06

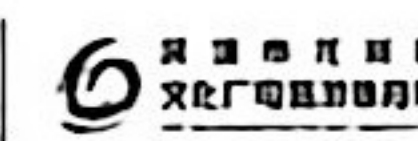
Board

16

WHITE				BLACK			
Li, Peishan				P.Y.S. Hasansee			
FED CHN				FED SRI			
RESULT (W) 1				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	e4	c5	21	Rd1	Re8	41	Ng3
2	Nf3	d6	22	Ng4	Qc8	42	a5
3	d4	cxd4	23	Rxe7	Rxe7	43	a6
4	Nxd4	Nf6	24	Nf6	Kh8	44	Q7
5	Nc3	g6	25	Nxst	Re5	45	a8=Q Rm8
6	Be2	Bg7	26	Qd6	Rxh5	46	Qx8
7	O-O	O-O	27	Qb6	kg5	47	b5
8	Be3	Nc6	28	Rd8+	Qxd8	48	F4+
9	Re1	Bd7	29	Qx8+	kg7	49	b6
10	Qd2	Ng5	30	Qd5+	kg8	50	b7
11	Bxg4	Bxg4	31	Qxg7	Rb5	51	b8=Q Kcs
12	Nf5	Kc8	32	Qa4	Rxg3	52	Qa5+
13	C4	Nxb3	33	Qb4	kg7	53	QC7+
14	Bd4	Rxc4	34	Qb7	Rc5	54	Qc3+
15	Bg7	kg7	35	a4	h5	55	Qa2+
16	Ne3	Rxe7	36	b4	Rc1+	56	Qch
17	f3	Bxf3	37	kg2	Rc2x	57	
18	gxf3	Re5	38	kg3	g5	58	
19	Qd4	kg8	39	h4	gxh4x	59	
20	Kh1	Rh5	40	Kxh4	Rh2+	60	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
Li				[Signature]			
SIGNATURE (ARBITER)				[Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

2026/07/21

Group

U14

Round

5

Board

14

WHITE				BLACK			
Li Peishan				Hasansee, P Y S			
FED CHN				FED SRI			
RESULT (W) 1				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	e4	c5	21	Rd1	Re8	41	kg3
2	Nf3	d6	22	Ng4	Qc8	42	a5
3	d4	cxd4	23	Re7	Re7	43	a6
4	Nxd4	Nf6	24	Nf6	Kh8	44	Q7
5	Nc3	g6	25	Nh5	Re5	45	a8=Q Rm8
6	Be2	Bg7	26	Qd6	Rxh5	46	Qx8
7	O-O	O-O	27	Qb6	kg5	47	b5
8	Be3	Nc6	28	Rd8+	Qxd8	48	F4+
9	Re1	Bd7	29	Qx8+	kg7	49	b6
10	Qd2	Ng5	30	Qd5+	kg8	50	b7
11	Bxg4	Bxg4	31	Qxg7	Rb5	51	b8=Q Kcs
12	Nf5	Kc8	32	Qa4	Rxg3	52	Qa5+
13	C4	Nxb3	33	Qb4	kg7	53	QC7+
14	Bd4	Rxc4	34	Qb7	Rc5	54	Qc3+
15	Bg7	kg7	35	a4	h5	55	Qa2+
16	Ne3	Rxe7	36	b4	Rc1+	56	Qch
17	f3	Bxf3	37	kg2	Rc2x	57	
18	gxf3	Re5	38	kg3	g5	58	
19	Qd4	kg8	39	h4	gxh4x	59	
20	Kh1	Rh5	40	Kxh4	Rh2+	60	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
Li				[Signature]			
SIGNATURE (ARBITER)				[Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
11.07.26

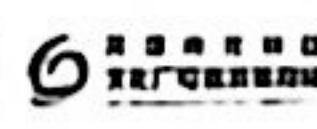
Group
G14

Round
8

Board
15

WHITE Jiang Zixian				FED CHN				RESULT (W)			
BLACK Diaskyzy Daliya				FED KAZ				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rc1	De7	41	Bh2	Nd2			
2	Vf3	Wf6	22	Rd1	Rc6	42	Be6	Kt8			
3	g5	Bf5	23	Bc5	Nc5	43	Rf7	Kc8			
4	Ph4	Be4	24	Na3	Rd8	44	Rg9	Nd3			
5	f3	Bg6	25	Rd2	f4	45	Rc7	Kd8			
6	Hg6	hg	26	Nc4	Ra8	46	Rc5	b1			
7	Bg2	eb	27	Kh1	Nd7	47	Rd5	Kc7			
8	cs	c6	28	Af2	fs	48	Ba7	Lico			
9	Bc3	Nd7	29	as	Ra6	49	Bc1	Rb1			
10	Hh2	Bd6	30	db	Qc6	50	Kg2	Fe1			
11	Bf2	se	31	Rd5	Nb7	51	h4	Nd7			
12	ey	cd	32	Af1	Nd6	52	Re2	Kt8			
13	cd	de	33	Nc5	Rb6	53	Rc6	Nc5			
14	o-o	o-o	34	Nc6	Nc4	54	Kh3	Kg7			
15	Hc4	Bc7	35	Nd5	Rd5	55	ay	Rd5			
16	fe	fs	36	Af7	Af7	56	Rc6	Nc4			
17	Na3	Rd5	37	Nt7	Nt2	57	Rc2	Nd8			
18	Qc2	ab	38	Kg1	Nd3	58	g4	Kg2			
19	ds	Bd6	39	Rc7	Hf6	59	Nt5	Kg7			
20	Nc3	as	40	Ng6	Rb5	60	Kt5	Fe5			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Jzx				Daliya				Jzx			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
7.21.

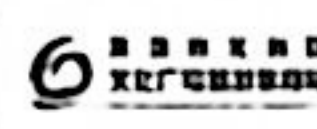
Group
G14

Round
6

Board
15

WHITE Jiang Zixian				FED CHN				RESULT (W)			
BLACK Diaskyzy Daliya				FED KAZ				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rc1	De7	41	Bh2	Nd2			
2	Vf3	Wf6	22	Rd1	Rc6	42	Be6	Kt8			
3	g5	Bf5	23	Bc5	Nc5	43	Rf7	Kc8			
4	Ph4	Be4	24	Na3	Rd8	44	Rg9	Nd3			
5	f3	Bg6	25	Rd2	f4	45	Rc7	Kd8			
6	Hg6	hg	26	Nc4	Ra8	46	Rc5	b1			
7	Bg2	eb	27	Kh1	Nd7	47	Rd5	Kc7			
8	cs	c6	28	Af2	fs	48	Ba7	Lico			
9	Bc3	Nd7	29	as	Ra6	49	Bc1	Rb1			
10	Hh2	Bd6	30	db	Qc6	50	Kg2	Fe1			
11	Bf2	se	31	Rd5	Nb7	51	h4	Nd7			
12	ey	cd	32	Af1	Nd6	52	Re2	Kt8			
13	cd	de	33	Nc5	Rb6	53	Rc6	Nc5			
14	o-o	o-o	34	Nc6	Nc4	54	Kh3	Kg7			
15	Hc4	Bc7	35	Nd5	Rd5	55	ay	Rd5			
16	fe	fs	36	Af7	Af7	56	Rc6	Nc4			
17	Na3	Rd5	37	Nt7	Nt2	57	Rc2	Nd8			
18	Qc2	ab	38	Kg1	Nd3	58	g4	Kg2			
19	ds	Bd6	39	Rc7	Hf6	59	Nt5	Kg7			
20	Nc3	as	40	Ng6	Rb5	60	Kt5	Fe5			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Jzx				Daliya				Jzx			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
21.07.26

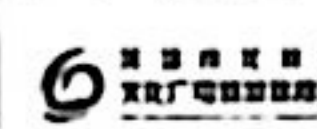
Group
G14

Round
7

Board
15

WHITE Jiang Zixian				FED CHN				RESULT (W)			
BLACK Diaskyzy Daliya				FED KAZ				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Ed3	Nc4	21			41					
2	Kt4	Nc3	22			42					
3	Nc5	Nc4	23			43					
4	Rd6	g5	24			44					
5	hg	Nc3	25			45					
6	Rd7	Kg2	26			46					
7	g6	Nd5	27			47					
8	Kt4	Hf6	28			48					
9	Rf7	Nc4	29			49					
10	Kt6	Rc5	30			50					
11	Rc5	Nc5	31			51					
12	Kc5	Kg7	32			52					
13	Kc5	Kg6	33			53					
14	Kc5	Kg5	34			54					
15	Kb5	Kg4	35			55					
16	Ka5		36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Jzx				Daliya				Jzx			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
21.07.26

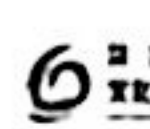
Group
G14

Round
6

Board
15

WHITE Jiang Zixian				FED CHN				RESULT (W)			
BLACK Diaskyzy Daliya				FED KAZ				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Dd3	Nc4	21			41					
2	Kt4	Nc3	22			42					
3	Nc5	Nc4	23			43					
4	Rd6	g5	24			44					
5	hg	Nc3	25			45					
6	Rd7	Kg2	26			46					
7	g6	Nd5	27			47					
8	Kt4	Hf6	28			48					
9	Rf7	Nc4	29			49					
10	Kt6	Rc5	30			50					
11	Rc5	Nc5	31			51					
12	Kc5	Kg7	32			52					
13	Kc5	Kg6	33			53					
14	Kc5	Kg5	34			54					
15	Kb5	Kg4	35			55					
16	Ka5		36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Jzx				Daliya				Jzx			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 21.07.26

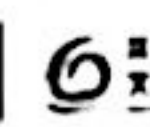
Group G14

Round 6

Board 16

WHITE: Liew Tze Yu				FED SGP				RESULT (W) 1/2			
BLACK: Zhakenova Medina				FED KAZ				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Ng5	21	Qb2	Nxe2	41	1g3	Rd7			
2	c4	e6	22	Ba2	Qg4	42	Kb1	b5			
3	Nc3	Bb4	23	Bg3	Qe3	43	a6	a6			
4	e3	Bc3	24	h4	b5	44	R:b5	Ku7			
5	bc	cs	25	Bb4	Qd4	45	Rb5	f5			
6	Bd3	d6	26	Qd4	R:d4	46	Kes	h3			
7	Nea	Nas	27	Bd5	Rab	47	h4	h4			
8	O-O	e5	28	Ba3	Rg4	48	Ra6	Ra7			
9	Qea	Qea	29	Kea	f6	49	Ks5	Ra6			
10	g4	Bd7	30	Ke3	Rg5	50	h3	h3			
11	fe	de	31	a4	Rg5	51	Ra7	h5			
12	h3	O-O-O	32	Bd4	Rd5	52	Rg7	Ra7			
13	Ba3	Rh8	33	cd	R:d5	53	g3	Ra7			
14	Qc4	cd	34	h4	Ra5	54	h3	Ra7			
15	cd	cd	35	Rd5	Ra5	55	Bg5	Ra7			
16	ed	Bh3	36	kes	Ra7	56	Ra7	Ra7			
17	Rg4	Bg4	37	Ke4	a6	57	h4	Ra7			
18	Rg4	Rg4	38	Bg4	Ra7	58	h4	Ra7			
19	Bg5	Kb9	39	Ra7	g5	59	h5	Ra7			
20	Bg4	Nd4	40	Ba3	Ra7	60	Kg6	Ka7			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 21/07/26

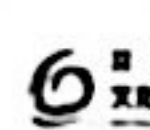
Group G14

Round 6

Board 16

WHITE: Liew Tze Yu				FED SGP				RESULT (W) 1/2			
BLACK: Zhakenova Medina				FED KAZ				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Qb2	Nxe2	41	Kf3	Rd7			
2	c4	e6	22	Bxe2	Qf4	42	Rb1	b5			
3	Nc3	Bb4	23	Bf3	Qe3	43	h5	ab			
4	e3	Bxc3	24	Kf1	b6	44	Qxb5	Kc7			
5	bxc3	c5	25	Bb4	Qd4	45	Rb6	f5			
6	Bd3	d6	26	Qxd4	Rxd4	46	Rc6	Rf7			
7	Nc2	Nc6	27	Bd5	Rd8	47	Kf4	Kd7			
8	O-O	e5	28	Bc3	Rf4	48	Ra6	Rc7			
9	Qc2	Qc7	29	Ke2	f6	49	Bc5	Rc4			
10	f4	Rd7	30	Ke3	Rf5	50	Kf3	Kc8			
11	Rxe5	dxe5	31	a4	Rg5	51	Ra7	h5			
12	h3	O-O-O	32	Bd4	Rg5	52	Rg7	Rc6			
13	Ba3	Rh8	33	Cxd5	Rxd5	53	g3	Rc6			
14	Qc1	Cxd4	34	Ke4	Rg5	54	Bc3	Rc6			
15	Cxd4	Cxd4	35	Kf3	Rd5	55	Bg5	Kf3			
16	Cxd4	Bxh3	36	Bc3	kb7	56	Ra7	Rc6			
17	Rf4	Bg4	37	Rc1	a6	57	Kf4	Rc6			
18	Rxg4	Nxg4	38	Bf4	Rd7	58	Bh4	Rc4			
19	Bf5	Kb8	39	Kc4	g6	59	Kg5	Rg4			
20	Bxg4	Nxd4	40	Bc3	Kf3	60	Kf6	Kc8			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 21.07.26

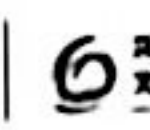
Group G14

Round 6

Board 16

WHITE: Liew Tze Yu				FED SGP				RESULT (W) 1/2			
BLACK: Zhakenova Medina				FED KAZ				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Bg5	R:g3	21			41					
2			22			42					
3			23			43					
4			24			44					
5			25			45					
6			26			46					
7			27			47					
8			28			48					
9			29			49					
10			30			50					
11			31			51					
12			32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 21/07/26

Group G14

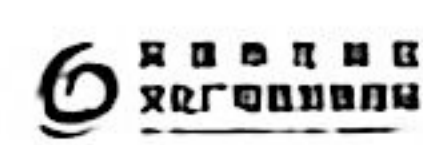
Round 6

Board 16

WHITE: Liew Tze Yu				FED SGP				RESULT (W) 1/2			
BLACK: Zhakenova Medina				FED KAZ				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Bg5	Rxg3	21			41					
2			22			42					
3			23			43					
4			24			44					
5			25			45					
6			26			46					
7			27			47					
8			28			48					
9			29			49					
10			30			50					
11			31			51					
12			32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



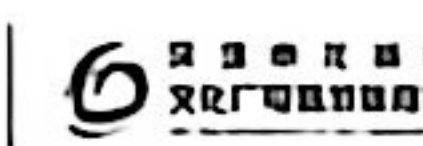
Date 21.07.2026

Group 614
Round 6
Board 17

WHITE Sagynbekova Zhibek			FED KGZ			RESULT (W) 1		
BLACK Warrisa Khusbu			FED BAN			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	1c7	qe6	41		
2	kf3	kf6	22	qe6	1e6	42		
3	ke5	d6	23	1b7	1e8	43		
4	kf3	ke4	24	1c7	1e2	44		
5	ke3	ke3	25	1c5	1f2	45		
6	dc	ce7	26	1cd5	kpg8	46		
7	ce3	kd7	27	1d8	1e2	47		
8	cd3	kf6	28	c5	1e1	48		
9	qd2	o-o	29	1e8	1e8	49		
10	o-o-o	ce6	30	b4	1e4	50		
11	kg5	c5	31	a3	a5	51		
12	c4	1b8	32	b5		52		
13	1he1	q6	33			53		
14	cf4	qd8	34			54		
15	ke6	fe	35			55		
16	1f5	ef	36			56		
17	1e7	ke4	37			57		
18	qd5	kpg8	38			58		
19	cd6	kd6	39			59		
20	qd6	1e2	40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 21.07.26

Group 614
Round 6
Board 17

WHITE Sagynbekova, Zhibek			FED KGZ			RESULT (W) 1		
BLACK Warrisa Khusbu			FED BAN			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e5. q0	21	Rc7	Qe6	41		
2	Nf3	Nf6	22	Qe6	Re6	42		
3	Ne5	d6	23	Rb7	Rbcb	43		
4	Nf3	Ne4	24	Rc7	Re2	44		
5	Nc3	Nc3	25	Rc5	Rf72	45		
6	bc3	Be7	26	Rcd5	Xg8	46		
7	Be3	Nd7	27	Rds	RaSer	47		
8	Bd3	Nf6	28	c5	Re1	48		
9	Qd2	o-o	29	Res	Res	49		
10	o-o-o	Bc6 q9	30	b4	Re4	50		
11	Ng5	c5	31	a3	a5	51		
12	c4. 13	Rb8. q9	32	b5		52		
13	Rche1	ag	33			53		
14	Bf4	81 Qc8	34			54		
15	Ne6	Qe6	35			55		
16	Bf5	e55	36			56		
17	Re7	Ne4. 25	37			57		
18	Qd5	Kh8	38			58		
19	Bd6	Nd6	39			59		
20	Qd6	Res	40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

20.07.2026

Group
G14

Round
6

Board
18

WHITE			FED			RESULT (V)		
Nguyen Hoang Bao Tram			VIE			1		
BLACK			FED			RESULT (II)		
Kim Doyeon			KOR			0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Bb4	Qxc4	41		
2	Nf3	c6	22	Qg5	Qc8	42		
3	g3	Nf6	23	Rc1	Nc5	43		
4	Bg2	e6	24	Q4	f4	44		
5	O-O	Bd6	25	Bxc5	Bxc5	45		
6	b3	Nbd7	26	Bxe4	Qd7	46		
7	Bb2	O-O	27	Qf5	Qxf5	47		
8	c4	b6	28	Gxf5	Bd4	48		
9	Nbd2	Ne4	29	Rb1	Bxc5	49		
10	Nxe4	dxe4	30	Bxc5	Rxc5	50		
11	Ne5	f5	31	Rc6	kc7	51		
12	Nxc6	Qc7	32	kg2	Bc5	52		
13	a5	e5	33	a4	Bd4	53		
14	Qd2	a5	34	Rb5	Rxb5	54		
15	Rpd1	Bb7	35	axb5	ke7	55		
16	a3	Rade	36	Kf3	Kd7	56		
17	Nxd8	Rcd8	37			57		
18	Bc3	Nc5	38			58		
19	Rdb1	a4	39			59		
20	brd4	Nxc4	40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

26.07.21

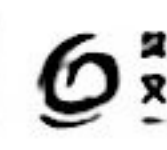
Group
G14

Round
6

Board
18

WHITE			FED			RESULT (V)		
Nguyen, Hoang Bao Tram			VIE			1		
BLACK			FED			RESULT (II)		
Kim Doyeon			KOR			0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4.	d5.	21	Bb4.	Qc4.	41		
2	Nf3.	c6.	22	Qg5.	Qc8.	42		
3	g3.	Nf6.	23	Rc1.	Nc5.	43		
4	Bg2.	e6.	24	Q4.	f4.	44		
5	O-O.	Bd6.	25	Bxc5.	Bc5.	45		
6	b3.	Nbd7.	26	Bxf5.	Qd7.	46		
7	Bb2.	O-O.	27	Qf5.	Qf5.	47		
8	c4.	b6.	28	g4.	Bd4.	48		
9	Nbd2.	Ne4.	29	Rb1.	Bxc5.	49		
10	Nxe4.	de.	30	Bxc5.	Rxc5.	50		
11	Ne5.	f5.	31	Rc6.	kc7.	51		
12	Nxc6.	Qc7.	32	kg2.	Bc5.	52		
13	a5.	e5.	33	a4.	Bd4.	53		
14	Qd2.	a5.	34	Rb5.	Rxb5.	54		
15	Rpd1.	Bb7.	35	axb5.	ke7.	55		
16	a3.	Rade.	36	Kf3.	Kd7.	56		
17	Nxd8.	Rcd8.	37			57		
18	Bc3.	Nc5.	38			58		
19	Rdb1.	a4.	39			59		
20	brd4.	Nxc4.	40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
21/7

Group
G14

Round
6

Board
10

WHITE Pham Ngor Tung Lan				FED VIE		RESULT (W) 0		
BLACK Ling, Yingge				FED CHN		RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	c3	Nd5	41		
2		d4	22		Qh5	42		
3	Nd2	c5	23	Bf1	Nf6	43		
4		ed	24		Qd1	44		
5	Nf3	cd	25	Qc2	Qd8	45		
6		Bc4	26		g3	46		
7	O-O	NfNc6	27	Bh3	Qh5	47		
8		Nb3	28		kg2	48		
9	a4	Bd6	29	Rh1	tg	49		
10		Nbd4	30		Qd1	50		
11	Re1	Nd4	31	kg1	Qf7	51		
12		Nd4	32		Dh6	52		
13	Qe2	Ph2	33			53		
14		kh1	34			54		
15	Bd3	Nd6	35			55		
16		Nf3	36			56		
17	Qe4	fs	37			57		
18		Qe2	38			58		
19	Nd4	e5	39			59		
20		Nb3	40			60		
SIGNATURE (WHITE) Sf			SIGNATURE (BLACK) Ling			SIGNATURE (ARBITER) Z		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
2.21

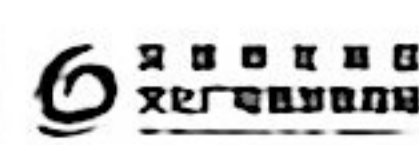
Group
G14

Round
6

Board
19

WHITE			Pham Ngoc Tung Lan			FED		VIE		RESULT (W)		0		
BLACK			Ling Yingge			FED		CHN		RESULT (B)		1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	c3	Nd5	41								
2	d4	d5	22	Qh5	Q4	42								
3	Nd2	c5	23	Bf1	Nf6	43								
4	ed	Qe5	24	Qd1	Nf4	44								
5	Nf3	cd	25	Qc2	Qd8	45								
6	Bc4	Qd7	26	g3	Qe8	46								
7	O-O	Nc6	27	Bh3	Qh5	47								
8	Nb3	ab	28	Kg2	f4	48								
9	a5	Bd6	29	Rh1	f5	49								
10	Nbd4	Re1	30	Qd1	Rf2	50								
11		Nd4	31	Kg1	Qf7	51								
12	Nd4	Qc7	32	Bh6	Rg2	52								
13	Qe2	Bh2	33			53								
14	Kh1	O-O	34			54								
15	Bd3	Bd6	35			55								
16	Nf3	h6	36			56								
17	Qe4	f5	37			57								
18	Qe2	Bd7	38			58								
19	Nd4	e5	39			59								
20	Nb3	Rc8	40			60								
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)								
Sf			Ling			Z								

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

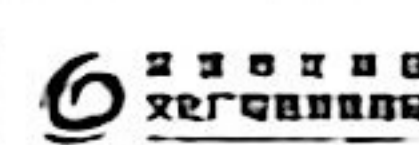


Date
7.21

Group
G14
Round
6
Board
20

WHITE Khojaeva, Yasamin				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK Liu, Jingyu				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Bg3	Qc8	41	g5	Ne4			
2	c4	dc	22	e5	Nf4	42	Na8	Kd8			
3	Nf3	Nf6	23	Bd7	Kh7	43	Kd7	Kc8			
4	e3	Bf5	24	h4	Qd8	44	Rh7	Q			
5	Bc4	e6	25	h9	h9	45	d5	e4			
6	O-O	Nbd7	26	Ncd4	Bc7	46	Rhd7	Kc8			
7	Nc3	c6	27	Kg2	Kg8	47	Nd7	Kc8			
8	Qd2	Af6	28	Rh1	Kg8	48	Nc7	Nc7			
9	Bb3	Nd5	29	Qd2	Kxf8	49	Rc7	c6			
10	Nh4	Bg4	30	b3	Kc8	50	d6	Nd5			
11	Nf3	Bf5	31	Rh7	Kd7	51	Nc8	Kg7			
12	h3	h6	32	Rf7	Qd8	52	Kg8	Kc8			
13	Nd2	Bh7	33	Nc6	Kc8	53	Nd6	Q			
14	e4	Nb6	34	Rh7	Qg6	54	d7	Kc8			
15	Nf3	Be7	35	Qd3	Qd3	55	Kf3	b1-c6			
16	Bf4	O-O	36	Nd3	Nc3	56	d5-c6	Kg7			
17	a4	Qf5	37	Nd4	Bd8	57	Qf6	Kg8			
18	Nd1	Bb4	38	Nc5	Nb5	58	Qf7	Kc8			
19	Bc2	Kg8	39	Nb6	Nd4	59	Qf8	Kc8			
20	a4	g5	40	Bf4	g4	60					
SIGNATURE (WHITE) Liu, Jingyu				SIGNATURE (BLACK) Khojaeva, Yasamin				SIGNATURE (ARBITER) Zhu			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
21.07.26

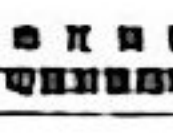
Group
G14
Round
6
Board
20

WHITE Liu, Jingyu				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK Khojaeva, Yasamin				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Bg3	Qc8	41	g5	Ne4			
2	c4	dc	22	e5	Nf4	42	Na8	Kd8			
3	Nf3	Nf6	23	Bd7	Kh7	43	Rb7	Kc8			
4	e3	Bf5	24	h4	Qd8	44	Ra07	c5			
5	Bc4	e6	25	h9	h9	45	d5	c4			
6	O-O	Nbd7	26	Ne4	Be7	46	Rd7	Kc8			
7	Nc3	c6	27	Kg2	Kg8	47	Rc7	Kc8			
8	Qd2	Nb6	28	Rh1	Kg8	48	Rc7	Rc7			
9	Bb3	Nd5	29	Qd2	Kf8	49	Rc7	c6			
10	Nh4	Bg4	30	g3	Kc8	50	d6	Nd5			
11	Nf3	Bf5	31	Rh7	Kd7	51	Rc8	Kg7			
12	h3	h6	32	Rf7	Qd8	52	Rg8	Kg8			
13	Nd2	Bh7	33	Nc6	Kc8	53	Rd7	Q2			
14	d4	Nb6	34	Rh7	Qg8	54	d7	f3			
15	Nf3	Be7	35	Qd3	Qd3	55	Kf3	g1/g4			
16	Bf4	O-O	36	Rb3	Nc3	56	d8/g7	Kg7			
17	a4	Qf5	37	Rd1	Bd8	57	Qf6	Kg8			
18	Nd1	Bb4	38	Nc4	Nbd5	58	Qf7	Kh8			
19	Bc2	Kg8	39	Nc6	Nf4	59	Qf8	Kc8			
20	a4	g5	40	Bf4	g4	60					
SIGNATURE (WHITE) Liu, Jingyu				SIGNATURE (BLACK) Khojaeva, Yasamin				SIGNATURE (ARBITER) Zhu			

12:38

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

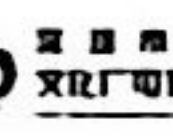
Date
7-21Group
G14Round
6Board
21

WHITE Lin, Chenlu				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Liu, Yutong				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d5	21	Bd2	b3	41	Kg2	Ka4			
2		ed	22	g3	h6	42	Kf1	Kb3			
3	Nc3	Qd6	23	h4	Bd6	43	Bd2	Kb2			
4		Nf3	24	f4	h1	44	Bc1	Ka1			
5	d4	Nf6	25	Kg2	f6	45	Ba3	Ba3			
6	h3	Bf4	26	Be3	Rc8	46	Ke2	Kb2			
7	Bd3	Bd3	27	Kh3	Ra2	47	Kf3	a1=Q			
8	Qd3	eb	28	Ra2	ba	48	Kf4	af1			
9	Be3	Be7	29	b4	Rc8	49	Ke5	Qf3			
10	O-O	O-O	30	Bd2	e5	50	g4	Qe4#			
11	Ne4	Ne4	31	fe	fe	51					
12	Qe4	Ne7	32	b5	Ra8	52					
13	Bf4	Qd5	33	Ra1	ed	53					
14	Qd5	cd	34	cd	Ra3	54					
15	c3	b5	35	Be1	Kf7	55					
16	Ne5	Ne5	36	b6	Ke8	56					
17	Be5	Rf8	37	Kg2	Kd7	57					
18	a3	a5	38	Kh3	Kc6	58					
19	Bf4	b4	39	Rc1	Kb6	59					
20	ab	ab	40	Ra1	Kb5	60					
SIGNATURE (WHITE) Lin, Chenlu				SIGNATURE (BLACK) Liu, Yutong				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			

12:38

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Date
2026.7.21Group
G14Round
6Board
21

WHITE Lin, Chenlu				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Liu, Yutong				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d5	21	Bd2	b3	41	Kg2	Ka4			
2	ed	Qd5	22	g3	h6	42	Kf1	Kb3			
3	Nc3	Qd6	23	h4	Bd6	43	Bd2	Kb2			
4	Nf3	c6	24	f4	h1	44	Bc1	Ka1			
5	d4	Nf6	25	Kg2	f6	45	Ba3	Ba3			
6	h3	Bf5	26	Bd3	Rc8	46	Ke2	Kb2			
7	Bd3	Bd3	27	Kh3	Ra2	47	Kf3	a1=Q			
8	Qd3	eb	28	Ra2	ba	48	Kf4	af1			
9	Be3	Be7	29	b4	Rc8	49	Ke5	Qf3			
10	O-O	O-O	30	Bd2	e5	50	g4	Qe4#			
11	Ne4	Ne4	31	fe	fe	51					
12	Qe4	Nd7	32	b5	Ra8	52					
13	Bf4	Qd5	33	Ra1	ed	53					
14	Qd5	cd	34	cd	Ra3	54					
15	c3	b5	35	Be1	Kf7	55					
16	Ne5	Ne5	36	b6	Ke8	56					
17	Be5	Rf8	37	Kg2	Kd7	57					
18	a3	a5	38	Kh3	Kc6	58					
19	Bf4	b5	39	Rc1	Kb6	59					
20	ab	ab	40	Ra1	Kb5	60					
SIGNATURE (WHITE) Lin, Chenlu				SIGNATURE (BLACK) Liu, Yutong				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.21

Group G14
Round 6
Board 22

WHITE		Mohd Afif, Aishah		FED MAS		RESULT (W) 0		
BLACK		Xu Xincheng		FED CHN		RESULT (B)		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4.	d5	21	Red1	Bc2	41	Nd3	Kd6.
2	c4.	c6	22	Rd1	Bb3.	42	Kd2	f6.
3	Nf3	Nf6	23	Nc3	Bg5.	43	Nb3.	Bc5
4	g3.	Bf5	24	f4.	Bf6.	44	Rd4.	Bd4.
5	Nc3	h6.	25	Nd2	Rf8.	45	Nd4.	Bc3.
6	Bb3	abb.	26	Rc3.	Rc3.	46	Nb6.	Rb8.
7	Qb6	ab	27	b6.	Rc8.	47	Nd4.	BaBc5.
8	cd	Nd5	28	Bf3	Bd7.	48	Ke2	Rd4.
9	Nd5	cd	29	Rd1	Bc4.	49	te Nd3	Rd1.
10	Bd2	eb	30	Rc1.	Bd6.	50	h3.	Bh2.
11	o-o.	Bdb.	31	Bd2	Bb7.	51	Kc3.	Rb8.
12	ab.	Ncb.	32	af.	Bf6.	52	c5	Kc7.
13	Bd2	o-o	33	Rb1.	Bd4.	53	g4.	Bf7.
14	e3	Na5	34	Rb3	Bd4.	54	Bf3	Bc3.
15	Bd5	ba.	35	Kf1.	q4.	55	c6.	g6.
16	Rd1	Rd8.	36	Kb4.	Bcb.	56	Kc5.	f5.
17	Nd2	bb	37	Nd3.	Kf8.	57	Jf.	Jf.
18	Rd1.	Bd3	38	Bd1.	Rd8.	58	Nc3	Bbb.
19	e4	ed.	39	Ke2	Ke7.	59	Nb5.	Kd8.
20	Ne4	De7	40	Kc5.	Bd6	60	Nd6.	Ke7.
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
Aishah			Xu Xincheng			Q		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 21/7/2026

Group G14
Round 6
Board 22

WHITE Aishah Mohd Afif				FED Mas		RESULT (W) 0		
BLACK Xu, Xincheng				FED Chn		RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Red1	B c2	41	Nd3	Kd6
2	c4	c6	22	Rd1	bb3	42	ke2	f6
3	Nd3	Nf6	23	Nc3	Bg5	43	Nb2	Bc5
4	g3	Bf5	24	Fg	Bf6	44	Rd4	Bd4
5	Nc3	b6	25	Ne2	Rfd8	45	Bt04	Bt03
6	Qb2	Qb6	26	Rc3	Rtc3	46	Nb6	Rb8
7	Qxb6	axb6	27	bxc3	Rf8	47	Nd4	Bc5
8	Cxd4	Nd4	28	Bf3	Rd7	48	ke2	Rb4
9	Nd5	c4	29	Rd1	Bc4	49	Kc3	Rd1
10	Bg2	e6	30	Nc1	Bac	50	h3	Bb2
11	O-O	Bdc	31	Be2	Bb7	51	Kc3	Rb8
12	a6	nc6	32	c4	Bf6	52	c4	Kc7
13	Bd2	O-O	33	Rb1	Bd4	53	g4	Bt0
14	e3	Na5	34	Rb3	Bd4	54	Bc3	Bc3
15	Bxas	bras	35	Kf1	a4	55	c6	g6
16	Rac1	Rac8	36	Rb1	Bc6	56	ke9	f4
17	nd2	b6	37	nd3	Kf8	57	Bg4	g1
18	Rfel	Bd3	38	Bd1	Rd8	58	Nc3	Rd8
19	eu	dxe	39	ke2	Kc7	59	Nb5	Kf8
20	Nxe1	Be7	40	Ne9	Bg8	60	Ne6	Kc7
SIGNATURE (WHITE) Xicheng			SIGNATURE (BLACK) Xu Xincheng			SIGNATURE (ARBITER) Q		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.21

Group G14
Round 6
Board 22

WHITE		FED		RESULT (W)				
Mohd Afif Aishah		MAS		0				
BLACK		FED		RESULT (B)				
Xu Xincheng		CHN		1				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nb5.	Rd8.	21			41		
2	Kd3.	e	22			42		
3	Bd5.	e4.	23			43		
4	Kd2.	Kf6.	24			44		
5	h4	Kc5	25			45		
6	Bb3.	Rd6.	26			46		
7	Kf2	P4.	27			47		
8	Ke2	B.	28			48		
9	Ke1	Bc3	29			49		
10	Kd1	Bd4	30			50		
11	Bc2	e2	31			51		
12	Kc1	e1=d.	32			52		
13	Kb2	Qd2.	33			53		
14	#Nb3	Bc3.	34			54		
15	Kb3.	Qd5	35			55		
16	Kd4	Rd6	36			56		
17			37			57		
18			38			58		
19			39			59		
20			40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
Aishah			Xu Xincheng			Q		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



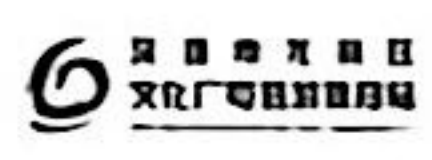
Date 21/7/2026

Group G14
Round 6
Board 22

WHITE		Aishah Mohd Afif		FED MAS		RESULT (W) 0		
BLACK		Xu Xincheng		FED CHN		RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nb5	Rf8	21			41		
2	Ke3	c6	22			42		
3	Be5	d5	23			43		
4	Ke2	Kf6	24			44		
5	Qa4	Kc5	25			45		
6	Bb3	Rc6	26			46		
7	Ke2	c4	27			47		
8	Kf2	f3	28			48		
9	Ke1	d3	29			49		
10	Kc1	Ba4	30			50		
11	Be2	d2	31			51		
12	Kc1	d1>6	32			52		
13	Kb2	Qd2	33			53		
14	Nd3	Bc3	34			54		
15	Kb3	Qd5+	35			55		
16	Ka4	Ra4P	36			56		
17			37			57		
18			38			58		
19			39			59		
20			40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
Xicheng			Xu Xincheng			JZ		

10-56

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



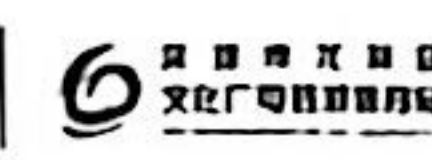
Date
21.7.2026

Group
G14
Round
6
Board
23

WHITE Wang, Hanzhang			FED CHN			RESULT (W) 1		
BLACK Maryam Eenaal Muaviyath			FED MDV			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Ne2	a4	41		
2	c4	c6	22	0-0	a3	42		
3	Nc3	Nf6	23	c4	a2	43		
4	Bg5	dxc4	24	Nc3	h6	44		
5	a4	Nd5	25	Rxa2	Qb7	45		
6	e3	f6	26	Rb1	Qxc6	46		
7	Bh1	g5	27	c5	Ra8	47		
8	Bg3	NxNc3	28	RxRa8	QxRa8	48		
9	bxc3	b5	29	Rb8	QxRb8	49		
10	axb5	cxb5	30	BxQb8	Bc6	50		
11	Qf3	Nc6	31	c6	Kg8	51		
12	QxNc6	Bd7	32	Qa6	Kf7	52		
13	Qa6	Bg7	33	c7	h5	53		
14	Be2	0-0	34	QxBd7	KxQc6	54		
15	Bf3	Bc8	35	c8-Q	Kf7	55		
16	Qx55	Bd7	36	Nd5	Kg6	56		
17	Qxc4	RKh8	37	Nxe7		57		
18	BxRa8	Qxb8	38			58		
19	f3	Kc8	39			59		
20	Qd3	g5	40			60		
SIGNATURE (WHITE) Wang Hanzhang			SIGNATURE (BLACK) Maryam Eenaal Muaviyath			SIGNATURE (ARBITER) [Signature]		

10-56

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

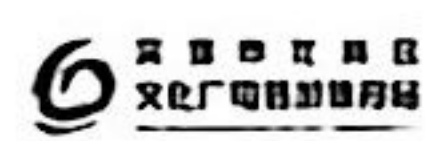


Date
21.7.21

Group
G14
Round
6
Board
23

WHITE Wang, Hanzhang			FED CHN			RESULT (W) 1		
BLACK Maryam Eenaal Muaviyath			FED MDV			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Ne2	a4	41		
2	c4	c6	22	0-0	a3	42		
3	Nc3	Nf6	23	c4	a2	43		
4	Bg5	dxc4	24	Nc3	h6	44		
5	a4	Nd5	25	Rxa2	Qb7	45		
6	e3	f6	26	Rb1	Qxc6	46		
7	Bh1	g5	27	c5	Ra8	47		
8	Bg3	NxNc3	28	RxRa8	QxRa8	48		
9	bxc3	b5	29	Rb8	QxRb8	49		
10	axb5	cxb5	30	BxQb8	Bc6	50		
11	Qf3	Nc6	31	c6	Kg8	51		
12	QxNc6	Bd7	32	Qa6	Kf7	52		
13	Qa6	Bg7	33	c7	h5	53		
14	Be2	0-0	34	QxBd7	KxQc6	54		
15	Bf3	Bc8	35	c8-Q	Kf7	55		
16	Qx55	Bd7	36	Nd5	Kg6	56		
17	Qxc4	RKh8	37	Nxe7		57		
18	BxRa8	Qxb8	38			58		
19	f3	Kc8	39			59		
20	Qd3	g5	40			60		
SIGNATURE (WHITE) Wang Hanzhang			SIGNATURE (BLACK) Maryam Eenaal Muaviyath			SIGNATURE (ARBITER) [Signature]		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
7/21

Group
G014

Round
6

Board
24

WHITE Li, Yanxin				FED CHN				RESULT (W) 1/2			
BLACK Lee, Yang-Pei				FED TPE				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	b3	Re6	41					
2	Nf3	Nc6	22	Kf2	b4	42					
3	d4	exd4	23	Re2	Qa8	43					
4	Nxd4	Bc5	24	Ree1	Nh5	44					
5	Be3	Bb6	25	Rg1	Qd8	45					
6	c3	d6	26	g3	Rg6	46					
7	Bb5	Bd7	27	Nf1	Qf6	47					
8	Ba4	h6	28	Re1	Qb2	48					
9	Nxc6	bxc6	29	Qd2	Qxa2	49					
10	Bxb6	axb6	30	h4	Qa8	50					
11	Nd2	Nf6	31	g4	Nf3	51					
12	h3	O-O	32	e5	dxe5	52					
13	O-O	Re8	33	Bxg6	fxg6	53					
14	Bc2	Qc8	34	Qc2		54					
15	Qf3	c5	35			55					
16	Rfe1	Bc6	36			56					
17	Qd3	Qb2	37			57					
18	c4	Re2	38			58					
19	Kf1	Rae8	39			59					
20	f3	b4	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Li Yanxin				SIGNATURE (BLACK) Lee Yang-Pei				SIGNATURE (ARBITER) Vj.			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
2026.07.21

Group
G14

Round
6

Board
24

WHITE Li Yanxin				FED CHN				RESULT (W) 0.5			
BLACK Lee, Yang-Pei				FED TPE				RESULT (B) 0.5			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	b3	Re6	41					
2	Nf3	Nc6	22	Kf2	b4	42					
3	d4	exd4	23	Re2	Qa8	43					
4	Nxd4	Bc5	24	Re1	Nh5	44					
5	Be3	Bb6	25	Rg1	Qd8	45					
6	c3	d6	26	g3	Rg6	46					
7	Bb5	Bd7	27	Nf1	Qf6	47					
8	Ba4	h6	28	Re1	Qb2	48					
9	Nxc6	bxc6	29	Qd2	Qxa2	49					
10	Bxb6	axb6	30	h4	Qa8	50					
11	Nd2	Nf6	31	g4	Nf3	51					
12	h3	O-O	32	e5	dxe5	52					
13	O-O	Re8	33	Bxg6	fxg6	53					
14	Bc2	Qc8	34	Qc2		54					
15	Qf3	c5	35			55					
16	Rfe1	Bc6	36			56					
17	Qd3	Qb2	37			57					
18	c4	Re2	38			58					
19	Kf1	Rae8	39			59					
20	f3	b4	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Li Yanxin				SIGNATURE (BLACK) Lee Yang-Pei				SIGNATURE (ARBITER) Vj.			